TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 08-8-2019
V/v : Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Ông Nguyễn Văn Thản

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 104/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56a/2019/QĐST-DS ngày 22/7/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Đỗ Thị B, sinh năm: 1969, vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 36, ấp TV, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
+ Bị đơn: Chị Thái Ngọc L, sinh năm: 1980, vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 37, ấp TV, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Đình K, sinh năm: 1984, vắng mặt
Địa chỉ: ấp TV, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
Tạm trú: ấp XM, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-3-2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị B trình bày:

Theo đơn khởi kiện bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Thái Ngọc L trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B yêu cầu cả hai vợ chồng chị Thái Ngọc L và anh Phạm Đình K cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Cụ thể thông tin về hụi như sau:

Vào năm 2018 bà có làm chủ hụi, chị Thái Ngọc L có tham gia hụi 2.000.000 đồng/tháng, tham gia 02 phần, hui khui ngày 10-02-2017, gồm 21 mãn ngày 10-10-2018. Chị L đã hốt hụi (lĩnh hụi) hai phần hụi tổng số tiền là 56.000.000 đồng và có đóng hụi lại được tổng cộng là 60.000.000 đồng, còn 05 lần chưa đóng là 20.000.000 đồng.

Khi vợ chồng chị L và anh K ly hôn tại Tòa án thì Tòa án có mời bà lên làm việc nhưng bà B không thưa kiện vợ chồng L – K tại hồ sơ ly hôn.

Lý do: Lúc đó bà và vợ chồng L – K có thỏa thuận là anh K sẽ trả nợ hụi cho bà là 36.000.000 đồng, việc thỏa thuận này do các bên tự thỏa thuận riêng với nhau nên không lập thành giấy tờ gì, cũng không được Tòa án công nhận trong quyết định ly hôn. Sau khi ly hôn thì anh K có trả cho bà được 04 tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng là 16.000.000 đồng.

Từ tháng 06-2018 đến nay thì anh K không tiếp tục đóng hụi cho bà nữa, anh K nói để anh K về quê ở Miền Bắc, khi nào trở vào đây sẽ tiếp tục đóng hụi. Tuy nhiên khi anh K trở vào đây thì không đóng hụi mà anh K nói nếu bà quấy rối thì anh K sẽ kiện bà. Khi anh K nói như vậy thì bà có gặp chị L đòi nợ hụi nhưng chị L cũng không trả cho bà luôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-4-2019 chị Thái Ngọc L trình bày:

Chị và bà B là hàng xóm với nhau. Chị có tham gia hụi do bà B làm chủ hụi. Số nợ hụi 20.000.000 đồng mà bà B khởi kiện chị trước đây là nợ chung của vợ chồng chị. Chị không đồng ý trả tiền hụi cho bà B vì giữa bà B và vợ chồng chị đã thỏa thuận giao anh K trả nợ cho bà B sau khi ly hôn là 36.000.000 đồng, còn chị trả nợ cho mẹ của chị là 45.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn xong thì chồng tôi có đóng hụi cho bà B được 04 tháng nữa là 16.000.000 đồng. Sau đó bà B có tâm sự với chị là chồng chị đi về Miền Bắc, bà B đợi chồng chị vào thì sẽ yêu cầu chồng chị đóng hụi tiếp nhưng khi chồng chị vào đây thì không tiếp tục đóng hụi cho bà B nên bà B chuyển sang đòi chị trả nợ, chị không đồng ý. Thông tin về dây hụi theo bà B khai là đúng. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị, chị bận đi làm xin nghỉ rất khó khăn.

Tại bản tự khai ngày 13-5-2019 anh Phạm Đình K trình bày:

Thời điểm đến Tòa án giải quyết ly hôn vợ anh có khai tiền hụi của bà B nhưng anh nghĩ là chuyện nhỏ nên chấp nhận. Việc thỏa thuận bằng lời nói, không được Tòa án công nhận. Sau này anh phát hiện giữa vợ anh và bà B có sự thông đồng để gạt tài sản của anh nên anh không tiếp tục đóng hụi. Nay bà B khởi kiện vợ anh là Thái Ngọc

L nếu có nợ hụi thì là nợ của vợ anh. Anh không có liên quan nên không đồng ý đóng hụi cho bà B. Anh không yêu cầu giải quyết lại về số tiền hụi đã đóng cho bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, ông Võ Văn S phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị B đối với chị Thái Ngọc L về số tiền hụi là 20.000.000 đồng.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị B, chị Thái Ngọc L và anh Phạm Đình K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thời hiệu: Đối với vụ án này các bên đương sự không ai yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu và vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Bà Đỗ Thị B yêu cầu về số tiền hụi là 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử đối chiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi".

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

Thực tế giữa bà Đỗ Thị B và chị Thái Ngọc L có xác lập hợp đồng góp hụi, chị L là người trực tiếp tham gia các giao dịch về hụi với bà B trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh K, chị L đã lĩnh (hốt) hụi. Tính đến thời điểm vợ chồng chị Thái Ngọc L và anh Phạm Đình K ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh thì còn nợ hụi là 36.000.000 đồng.

Tại buổi làm việc tại Tòa án các bên đương sự có tự thỏa thuận với nhau giao anh K trả nợ hụi cho bà B là 36.000.000 đồng, bà B không khởi kiện về hụi tại hồ sơ ly hôn. Nay trong quá trình giải quyết vụ án dân sự này, chị L và anh K không ai đồng ý nhận có nghĩa vụ trả nợ hụi cho bà B.

Từ những tình tiết, sự việc nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bên không có tranh chấp về số nợ hụi còn lại là 20.000.000 đồng. Chị L và anh K có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ cho bà B.

[5] Qua xem xét lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ về hụi, xét thấy số nợ hụi 36.000.000 đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh K. Chị L khai do chị L trực tiếp tham gia góp hụi nhưng hàng tháng bà B có đến nhà nhận tiền hụi, việc nợ hụi anh K có thỏa thuận nhận đồng ý trả khi ly hôn nên có cơ sở xác định số tiền hụi chị L sử dụng chung cho mục đích gia đình, đây là nợ chung của anh chị.

[6] Sau khi chị L và anh K đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22-02-2018 thì anh K có trả nợ hụi cho bà B hàng tháng, còn lại 20.000.000 đồng. Nay anh K không yêu cầu giải quyết về số tiền hụi đã trả cho bà B và không đồng ý tiếp tục góp hụi cho bà B. Khi ly hôn anh K và chị L tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ hụi là nợ chung của chị L và anh K trong thời kỳ hôn nhân, tính đến thời điểm ly hôn chị L và anh K không có tranh chấp, không ai phản đối. Việc thỏa thuận của các đương sự giao anh K trả nợ tại thời điểm ly hôn không lập thành văn bản, giấy tờ gì và không được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Tòa án công nhận trong quyết định ly hôn nên không có giá trị pháp lý. Tòa án có triệu tập tham gia đối chất nhưng chị L và anh K vắng mặt không tham gia đối chất mà không có lý do chính đáng.

Việc chị L, anh K tham gia góp hụi nhưng không trả đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B. Hội đồng xét xử cần buộc chị L và anh K phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; theo quy định các Điều 7, 8 và 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27-11-2006 về họ, hụi, biêu, phường; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, chị L và anh K đã ly hôn nền cần phân chia trách nhiệm trả nợ theo phần mỗi người có nghĩa vụ trả nợ là 10.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Chị L và anh K mỗi người phải chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 184, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị B về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi" đối với chị Thái Ngọc L và anh Phạm Đình K.

Buộc chị Thái Ngọc L và anh Phạm Đình K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị B số tiền hụi là 20.000.000 đồng, phân chia theo phần mỗi người (chị L, anh K) có nghĩa vụ trả nợ là 10.000.000 đồng.

2. Án phí: Chị L phải chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh K phải chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 0008937 ngày 26-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bà B) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (chị L, anh K) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Hiếu